

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: **60/2019/HSST**

Ngày: 17/9/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Là

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thuận Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà: Ông Vũ M Hải- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Thái Bình đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H; tên gọi khác: không, sinh ngày: 17/3/1976. Tại: phường Đăng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: số nhà 159, đường L, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 6/12 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đức Sum và bà: Đào Thị Mai; Có vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1994 (là bị hại trong vụ án). Trú tại: số nhà 159, đường L, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 247/HSST ngày 27/7/1995 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt H 08 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, phải bồi thường 3.200.000 đồng, sung quỹ Nhà nước 2.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính, 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 30/4/2000 H chấp hành xong hình phạt tù(được đặc xá), năm 2000 H bồi thường xong, ngày 22/8/2013 H đã nộp xong án phí;

Bản án hình sự phúc thẩm số 2550/HSPT ngày 22/12/2003 của Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí M xử phạt H 9 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 09/10/2009 H chấp hành xong hình phạt tù, phải nộp 100.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, ngày 05/5/2008 H đã nộp xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2019 đến ngày 11/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Chị Phạm Thị M, sinh năm 1994 (là vợ bị cáo H).

Trú tại: số 159, đường L, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi liên quan:

Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Đông H. Tỉnh Thái Bình.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1- Anh Đỗ Quý H1, sinh năm 1994.

2- anh Phạm Huy D, sinh năm 1988.

3- chị Phạm Thị Na, sinh năm 1981.

Đều trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Đông H. Tỉnh Thái Bình.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức H có mâu thuẫn vợ chồng từ khoảng tháng 3/2018. H và M có 01 con chung là Nguyễn Phạm M T, sinh năm 2016. Cuối tháng 3/2019 chị M đã gửi đơn xin ly hôn với H đến Tòa án nhân dân quận Hải An thành phố Hải Phòng.

Ngày 01/4/2019, chị M, cháu T và mẹ đẻ chị M là bà Phạm Thị Th từ Hải Phòng đi về nhà bà Th, khi về đến nơi là khoảng 9 giờ cùng ngày. Do thời điểm này chị M được Tòa án nhân dân quận Hải An thông báo mời chị M và anh H đến nộp thêm tài liệu để Tòa án có căn cứ thụ lý vụ án nên chiều ngày 01/4/2019, tại nhà bà Th chị M đã gọi điện báo H sáng ngày 02/4/2019 đến Tòa án nhân dân quận Hải An thì H bảo H sẽ không đến Tòa án. Sau đó, H gọi điện lại cho chị M thì chị M không trả lời nên H điện thoại cho bà Th, nhờ bà báo chị M cho H xin số điện thoại của Tòa án NH chị M không cho, tiếp đó, H

nói chuyện với bà Th về mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày H một mình đi xe mô tô của H từ Hải Phòng về nhà bà Th để tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, khi đi H mang theo một túi đồ chơi cho cháu T con gái H. Khi H về đến nhà bà Th là khoảng 22 giờ cùng ngày. Nhà bà Th có cửa quay hướng Đông Nam, phía Tây Nam tiếp giáp đường trục xã Đ, phía Tây Bắc tiếp giáp đường trục thôn X, xã Đ, 2 phía còn lại giáp với khu dân cư. Khuôn viên của gia đình gồm 1 ngôi nhà ở một tầng mái bằng ba gian hình chữ U quay hướng Đông Nam, phía trước nhà là sân vườn và ao, phía trong cùng là bếp, nhà kho và nhà vệ sinh, có 01 cổng ra vào bằng sắt 2 cánh mở vào trong, đi ra là đường trục xã. Từ cổng vào là buồng ngủ của bà Th (gian bán hàng), tiếp đến là phòng khách và cuối cùng là buồng ngủ của ông Phạm Hữu Bái là chồng bà Th. Lúc này, trong nhà bà Th có ông Bái đã đi ngủ tại gian buồng phía trong, còn bà Th, chị M và cháu T đang nằm chơi trên giường ở buồng ngủ (gian bán hàng) phía ngoài giáp cổng. Điện trong nhà chỉ còn một bóng đèn led được bật sáng màu sáng trắng tại gian buồng ngủ của bà Th, ánh sáng trong nhà có hắt sáng ra ngoài hiên. Đến nơi, H dừng xe trước cổng, do cổng chỉ cài then và móc một khóa treo chưa khóa nên H tự mở cổng rồi dắt xe mô tô vào sân dựng xe giáp gian buồng ngủ của ông Bái. Khi nghe thấy tiếng động ở cổng thì bà Th dậy mở cửa buồng đi ra ngoài hiên hỏi “Ai đây”, H trả lời: “Con”. Sau đó H tự ra cài cổng, còn bà Th quay trở lại buồng ngủ. H cài cổng xong thì quay lại đi theo sau bà Th vào nhà, đến cửa buồng ngủ H cởi áo khoác kiểu áo gió treo tại ghế nhựa để ở gần cửa ra vào và xách túi đồ chơi mang theo bảo con gái: “Bố mang túi đồ chơi về cho con” thì cháu T tự ra khỏi giường đến bên bố. Trên giường lúc này chỉ còn chị M đang nằm ngửa, đầu quay vào trong chân quay ra cửa, 2 tay đang sử dụng điện thoại Iphone 6 Plus, mắt chăm chú nhìn vào màn hình điện thoại. Thấy chị M đang chăm chú sử dụng điện thoại thì H nghi ngờ chị M đang nhắn tin cho người đàn ông khác. H lập tức xông vào dùng 2 tay giằng điện thoại từ tay chị M mục đích kiểm tra, chị M giằng lại, H giật được điện thoại của chị M thì chạy ra phía cửa ra vào. Chị M vùng ngay dậy đuổi theo H. Khi H ra đến cửa tiếp giáp với hiên nhà thì chị M đuổi kịp, dùng tay trái túm cổ áo phía sau gáy của H, tay phải túm vào cánh tay phải của H mục đích lấy lại điện thoại, H liền cầm điện thoại của chị M bỏ vào túi quần phía trước bên trái đang mặc và tiếp tục đi nhanh từ cửa buồng đi thẳng ra ngoài hiên. Chị M vẫn túm cổ áo và túm cánh tay H bám theo sau. Khi đi đến gần cuối hiên, trước cửa phòng khách thì H nhìn thấy có 01 con dao (*loại dao gọt hoa quả dài 18 cm, cán dao dài 10 cm bằng nhựa màu đen được chốt bằng ba đinh tán kim loại màu trắng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng mỏng dài 08 cm, rộng 1,5 cm, mũi nhọn, lưỡi sắc*) ở trên mặt 01 chiếc đôn sứ màu xanh xám cao 40 cm ở phía trước sát mép hiên và giáp tường nhà. H liền cúi người cầm dao bằng tay phải, toàn bộ bàn tay nắm vào cán dao, lưỡi dao ở phía dưới, mũi dao hướng về phía trước. Đồng thời vừa xoay người theo chiều từ phải sang trái, vừa dơ cao tay trái lên và đâm vòng từ phải qua trái, từ trước về sau, đâm trúng vùng hõm nách trái của chị M. Lúc này, chị M bị mất đà ngã, tư thế ngã nghiêng người về bên trái rồi ngã ngửa xuống nền hiên nhà trước cửa phòng khách, 2 tay ôm chéo trước ngực, 2 chân co lên, nghiêng người qua phải rồi qua trái. Quá trình chị M ngã thì H quay hẳn người lại đứng ở gần sát thân người bên trái của chị M, tư thế khom khom, tay phải cầm

dao tiếp tục đâm theo tư thế đâm vòng từ phải qua trái, từ trên xuống dưới nhiều nhất nữa vào thân trên và tay trái của chị M. Bà Th đứng trong buồng gần cửa ra vào nhìn theo nên khi thấy M ngã ngửa ra còn H đứng cúi lom khom ở phía bên trái M thì bà Th chạy tới, đứng phía sau H vừa dùng tay kéo vai áo H ra vừa nói: “Mẹ chúng mày khỏe đánh nhau” nH do H đang cúi người, bà bám không chắc nên không kéo được H ra. Chị M cảm thấy đau ở nách trái và thấy máu chảy từ nách trái liền kêu lên: “Mẹ ơi, nó đâm chết con rồi” thì bà Th dùng cẳng tay phải ghì vào cổ H kéo mạnh ra, H bị ghì cổ nên đã buông con dao đang cầm ra. Khi kéo được H ra thì bà Th đỡ chị M. Ngay sau đó, H đi nhanh vào phòng ngủ của bà Th lấy con dao gấp ở trong túi áo khoác H của treo ở ghế chạy ra hiên nhà, chân phải đứng trên hiên, chân trái đứng ở bậc lên xuống ngay phía sau bà Th, đồng thời mở dao gấp ra, hai tay cầm dao giơ lên ngang mặt định đâm vào ngực mình để tự sát. Lúc này, bà Th đang đỡ chị M, nH do lo sợ H đâm cháu T nên bà quay ra để nhìn về phía cửa buồng thì phát hiện thấy H đứng phía sau cầm dao đang định tự sát. Bà Th liền đứng lên dùng hai tay đập mạnh vào tay của H, đồng thời tước con dao trên tay H, gấp lại và cho vào túi quần bà đang mặc, sau đó bà Th dìu chị M ra cổng gọi mọi người đưa đi cấp cứu. Ông Bái từ trong nhà ra sân đứng phía sau lưng H, đẩy H đi qua cửa phòng khách vào buồng của ông, sau đó H lên Ủy ban nhân dân xã Đ đầu thú. Ngay sau khi, chị M được đưa đi cấp cứu, bà Th quay trở lại nhà, phát hiện 01 con dao lưỡi trắng, mũi nhọn, cán màu đen, lưỡi dao bị cong nhẹ rơi ở sân giáp bậc lên xuống trước cửa nhà, bà đã mang đến UBND xã Đ nộp cho lực lượng Công an cùng với con dao gấp bà thu được của H và trình bày sự việc. Chị M điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đông H từ ngày 01/4/2019 đến ngày 3/4/2019 được chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình điều trị đến ngày 12/4/2019 thì được ra viện.

Bản kết luận giám định pháp y về Th tích số 49/19/TgT ngày 05/4/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình, kết luận:

Chị Phạm Thị M bị nhiều Th tích vùng lưng bên trái, hố nách trái, vùng cánh tay trái và vùng cổ tay trái (7 vết) do vật sắc nhọn tác động làm tràn dịch, tràn khí màng phổi trái. Đã được xử trí: khâu cầm máu, phục hồi các vết Th, dùng các loại thuốc kháng sinh, giảm đau, chăm sóc vết Th hàng ngày. Hiện tại: Các vết Th còn đau rất liên tục, sưng nề, ần đau. Còn đau vùng ngực bên trái, đau tăng khi ho, khi vận động. Tỷ lệ tổn Th cơ thể do Th tích gây lên tại thời điểm giám định là 15% (Mười lăm phần trăm).

Bản kết luận giám định số 1805/C09-TT3 ngày 18/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“Mẫu nghi máu ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M3) là máu của Phạm Thị M. Trên con dao (ký hiệu M1) có bám dính máu của Phạm Thị M”.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSĐH ngày 30/7/2019 Viện kiểm sát huyện Đông H đã truy tố bị cáo: Nguyễn Đức H - Về tội “Cố ý gây Th tích”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a và i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự

Kiểm sát viên trình bày bản luận tội:

Tại phiên tòa sơ thẩm không có tình tiết nào mới, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H – Phạm tội “*Cố ý gây Th tích*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a và i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho Nguyễn Đức H bị cáo là:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Tự nguyện bồi thường. Do đó, bị cáo Nguyễn Đức H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và các tình tiết bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo ra đầu thú, nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a và i khoản 1) Điều 134 và các Điều 50; 38 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Đức H từ 03 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự bị cáo H đã bồi thường 20.000.000đ, chị M không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy gồm:

- 02 con dao (đều là tài sản của bà Th, bà Th không có nhu cầu nhận lại); 01 chiếc áo thun màu rêu cũ, rách; mẫu tóc, mẫu máu, tế bào niêm mạc của chị M hoàn lại sau giám định.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[I] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi liên quan không có khiếu nại, tố cáo. Do đó các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[II] Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức H đã khai nhận:

Do bị cáo và vợ là chị M có mâu thuẫn, chị M đã làm đơn xin li hôn bị cáo H. Nên ngày 01/4/2019, chị M, cùng con và mẹ đẻ chị M là bà Phạm Thị Th, từ Hải Phòng về nhà bà Th ở Thôn X, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình. Đến khoảng 20 giờ cùng

ngày H một mình đi xe mô tô của H từ Hải Phòng về nhà bà Th khi về thấy chị Th đang cùng con cầm điện thoại nhắn tin. Nghi ngờ chị M nhắn tin cho người đàn ông khác nên H đã giằng điện thoại của chị M, chị M đã ôm H để lấy điện thoại. Trong lúc cúi xuống H nhìn thấy con dao ở cuối hiên, trước cửa phòng khách, H đã dùng con dao này đâm chị M như cáo trạng đã mô tả.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức H phù hợp với các chứng cứ sau:- Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông H lập hồi 23 giờ 00 phút ngày 01/4/2019 tại UBND xã Đông Cường(Bút lục số 08).

- Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh hiện trường

- Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu là 02 con dao

- Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ là mẫu máu, con dao có bám dính máu, mẫu tóc và niêm mạc của chị M

- Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Nguyễn Đức H

- Biên bản xem xét dấu vết trên áo và trên thân thể của chị Phạm Thị M

- Giấy chứng nhận Th tích, phiếu chụp X-QUANG, tóm tắt bệnh án, bệnh án ngoại T.H; giấy chuyển tuyến khám, chữa bệnh; phiếu xét nghiệm huyết học; phiếu chụp X-QUANG kỹ thuật số; kết quả siêu âm; trình tự phẫu thuật/thủ thuật; phiếu xét nghiệm hóa sinh; biên bản hội chẩn và tờ điều trị đối với chị Phạm Thị M

- Bản ảnh Th tích và bản ảnh vật chứng

- Biên bản thực nghiệm điều tra, Sơ đồ hiện trường thực nghiệm điều tra và Bản ảnh thực nghiệm điều tra

- Lời khai của bị hại Phạm Thị M

- Lời khai của người làm chứng: bà Phạm Thị Th; ông Phạm Hữu B anh Đỗ Quý H1, anh Phạm Huy D, chị Phạm Thị N.

Bản kết luận giám định pháp y về Th tích số 49/19/TgT ngày 05/4/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình kết luận:

*Chị Phạm Thị M bị nhiều Th tích vùng lưng bên trái, hố nách trái, vùng cánh tay trái và vùng cổ tay trái (7 vết) do vật sắc nhọn tác động làm tràn dịch, tràn khí màng phổi trái. Đã được xử trí: khâu cầm máu, phục hồi các vết Th, dùng các loại thuốc kháng sinh, giảm đau, chăm sóc vết Th hàng ngày. Hiện tại: Các vết Th còn đau rất liên tục, sưng nề, ần đau. Còn đau vùng ngực bên trái, đau tăng khi ho, khi vận động. Tỷ lệ tổn Th cơ thể do Th tích gây lên tại thời điểm giám định là **15% (Mười lăm phần trăm)**.*

Bản kết luận giám định số 1805/C09-TT3 ngày 18/4/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (Bút lục số 48, 49), kết luận:

“Mẫu nghi máu ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M3) là máu của Phạm Thị M. Trên con dao (ký hiệu M1) có bám dính máu của Phạm Thị M”

Sau khi đâm chị M Cơ quan điều tra lấy lời khai của bị cáo H thì bị cáo H khai:

Sau khi đâm chị M nhát dao đầu tiên, chị M ngã ra thì H quay lại tiếp tục đâm liên tiếp nhiều nhát, chỉ khi bà Th túm cổ áo H làm H bị ngạt thở thì H mới dừng đâm chị M.

NH sau đó và tại phiên tòa lại khai:

Khi chị M ngã ra H tiếp tục đâm chị M, khi chị M kêu “Mẹ ơi nó đâm chết con rồi” thì H dừng lại không đâm nữa.

Việc bị cáo bịa nại lời khai cũng được chị M thừa nhận là đúng. Do đó xác định bị cáo H không có ý định tước đoạt tính mạng của chị M mà chỉ có ý định gây Th tích cho chị M.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức H đã phạm tội “Cố ý gây Th tích”. Việc cao dao là hung khí nguy hiểm đâm chị M với lí do nhỏ nhất đó là : Nghi ngờ chị M nhả tin cho người đàn ông khác (hành vi phạm tội mang tính côn đồ) , cùng với tỷ lệ Th tích gây ra cho chị M là 15 % thì việc truy tố và xét xử bị cáo H theo quy định tại điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a “ dùng hung khí nguy hiểm” và i “ Có tính côn đồ” khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Điều 134. Tội cố ý gây Th tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

“1. Người nào cố ý gây Th tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn Th cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nH thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây Th tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn Th cơ thể từ 11% đến 30% nH thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

...

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

...

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến sức khỏe của chị M.

[2] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Với mức độ Th tích 15% cùng với việc dùng hung khí và phạm tội có tính côn đồ thì hành vi phạm tội của bị cáo H là nghiêm trọng.

[3]+Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[4]+Tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường. Do đó, bị cáo Nguyễn Đức H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cùng các tình tiết Bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, Bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo H đã có 02 án tích rất nghiêm trọng nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do đó cần có hình phạt tương xứng mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự bị cáo H đã bồi thường 20.000.000đ, chị M không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Cần tịch thu tiêu hủy gồm:

-02con dao (đều là tài sản của bà Th, bà Th không có nhu cầu nhận lại); 01 chiếc áo thun màu rêu cũ, rách; mẫu tóc, mẫu máu, tế bào niêm mạc của chị M hoàn lại sau giám định.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Bị hại và Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố : Bị cáo Nguyễn Đức H - Phạm tội “ Cố ý gây Th tích ”

[2] Về áp dụng luật và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (với tình tiết định khung tại điểm a và i khoản 1) Điều 134 và các Điều 50; 38; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Đức H – 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án. Thời hạn tù được khấu trừ đi thời gian bị cáo H bị tạm giữ từ ngày 02/4/2019 đến ngày 11/4/2019.

[3] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự

- Tịch thu tiêu huỷ gồm:

- 01 con dao lưỡi bị cong (loại dao gọt hoa quả dài 18 cm, cán dao dài 10 cm bằng nhựa màu đen được chốt bằng ba đinh tán kim loại màu trắng, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 08 cm, rộng 1,5 cm, mũi nhọn, lưỡi sắc.

- 01 con dao gấp (cán nhựa màu vàng dày khoảng 01 cm, rộng khoảng 03 cm, dài khoảng 10 cm, lưỡi dao dài khoảng 09 cm, đầu nhọn, chỗ rộng nhất khoảng 03 cm), 01 chiếc áo thun màu rêu cũ, rách; mẫu tóc, mẫu máu, tế bào niêm mạc của chị M hoàn lại sau giám định.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo H đã bồi thường 20.000.000đ, chị M không yêu cầu gì thêm. Do đó không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí.

Bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận.

- Bị cáo.
- VKSND huyện Đông Hưng.
- Công an, THA h: Đông Hưng.
- Bị hại,
- Người có QLNVLQ.
- Sơ Tư pháp khi bản án có hiệu lực
- Lưu HS- VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng